

PHỤ LỤC

Danh mục tên các thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, Ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

1. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. Lĩnh vực Đường thủy nội địa				
1	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	
2	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	
II. Lĩnh vực Đường bộ				
3	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	

	Giao thông vận tải			
4	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	
5	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	
6	Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn xin gia hạn theo quy định	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn xin gia hạn theo quy định	
7	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	
8	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	
9	Cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy	

		định	định	
10	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn xin gia hạn theo quy định	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn xin gia hạn theo quy định	
11	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn xin gia hạn theo quy định	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn xin gia hạn theo quy định	
12	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	
13	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	Trong thời gian không quá 08 (ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cấp lại theo quy định.	Trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cấp lại theo quy định.	
14	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	
15	Chấp thuận xây dựng xây dựng biển quảng cáo trong phạm vi	10 ngày làm việc, kể từ	08 ngày làm việc, kể từ	

	hành lang an toàn đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác	ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	
16	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	
17	Cấp phép xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất bảo vệ, bảo trì đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	
18	Cấp phép sử dụng tạm thời một phần hè phố của hệ thống đường địa phương không vào mục đích giao thông	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	
19	Cấp phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường của hệ thống đường địa phương không vì mục đích giao thông	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	
20	Cấp phép sử dụng tạm thời một phần hè phố của hệ thống đường địa phương để trông giữ xe có thu phí	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	
21	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	

	thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác	được hồ sơ đầy đủ theo quy định	được hồ sơ đầy đủ theo quy định	
22	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	

2. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
I. Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh				
1	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30 ngày, nếu có xác minh người được đào tạo ở nước ngoài là 180 ngày	29 ngày, nếu có xác minh người được đào tạo ở nước ngoài là 178 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30 ngày, nếu có xác minh người được đào tạo ở nước ngoài là 180 ngày	29 ngày, nếu có xác minh người được đào tạo ở nước ngoài là 178 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g	30 ngày, nếu có xác minh người được đào tạo ở nước ngoài là 180	29 ngày, nếu có xác minh người được đào tạo ở nước ngoài là 178	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
	Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	ngày	ngày	
4	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	60 ngày	59 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
5	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế xã	45 ngày	42 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
6	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với các hình thức tổ chức KCB khác	58 ngày đối với bệnh viện, 42 ngày đối với các hình thức tổ chức KCB khác	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
7	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với các hình thức tổ chức KCB khác	58 ngày đối với bệnh viện, 42 ngày đối với các hình thức tổ chức KCB khác	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
8	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	45 ngày	44 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
9	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không	60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với các hình thức tổ chức KCB	58 ngày đối với bệnh viện, 42 ngày đối với các hình thức tổ chức KCB	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
	đúng thẩm quyền	khác	khác	
10	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với các hình thức tổ chức KCB khác	58 ngày đối với bệnh viện, 42 ngày đối với các hình thức tổ chức KCB khác	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
11	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	45 ngày	44 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
12	Cấp giấy phép hoạt động đối với nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	45 ngày	44 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
13	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	30 ngày làm việc	28 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
14	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	30 ngày làm việc	28 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
15	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	30 ngày làm việc	28 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
16	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu	20 ngày làm việc	18 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
	chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng			- Sở Y tế thực hiện
17	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	20 ngày làm việc	19 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
18	Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	20 ngày làm việc	19 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
19	Cấp giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	90 ngày	80 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
20	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	90 ngày	80 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
21	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	90 ngày	80 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
22	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	90 ngày	80 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
23	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	90 ngày	80 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
24	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	90 ngày	80 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
25	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	90 ngày	80 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
26	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp	90 ngày	80 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
27	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả	90 ngày	80 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
28	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại nhà	90 ngày	80 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
29	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	90 ngày	80 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
30	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối	90 ngày	80 ngày	Phòng Nghiệp vụ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
	với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh			- Sở Y tế thực hiện
31	Cấp giấy phép hoạt động đối với khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã	90 ngày	80 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
32	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	90 ngày	80 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
33	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh	90 ngày	80 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
34	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	30 ngày	27 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
35	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn	90 ngày	80 ngày	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
36	Công bố cơ sở đủ điều kiện	20 ngày	18 ngày	Phòng

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
	thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế			Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
37	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	10 ngày làm việc	09 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
38	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
39	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	10 ngày làm việc	09 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
40	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 180 ngày đối với trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ hành nghề do nước ngoài cấp.	Trong thời hạn 29 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 178 ngày đối với trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ hành nghề do nước ngoài cấp.	Phòng Nghiệp vụ - Sở Y tế thực hiện
41	Cấp thay đổi phạm vi hoạt	Trong thời hạn	Trong thời hạn	Phòng

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
	động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 180 ngày đối với trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ hành nghề do nước ngoài cấp.	29 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 178 ngày đối với trường hợp cần xác minh người được đào tạo ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ hành nghề do nước ngoài cấp.	Nghịệp vụ - Sở Y tế thực hiện
42	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	60 ngày đối với bệnh viện, 45 ngày đối với các hình thức tổ chức KCB khác	58 ngày đối với bệnh viện, 42 ngày đối với các hình thức tổ chức KCB khác	Phòng Nghịệp vụ - Sở Y tế thực hiện
43	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30 ngày	29 ngày	Phòng Nghịệp vụ - Sở Y tế thực hiện
44	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	45 ngày	42 ngày	Phòng Nghịệp vụ - Sở Y tế thực hiện
45	Cấp giấy khám sức khỏe cho người từ đủ 18 tuổi trở lên	Trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc việc KSK đối với đơn lẻ, đối với khám tập thể tùy thuộc theo hợp	Trong vòng 20 (hai mươi) giờ (đối với Bệnh viện Bà Rịa), 18 (mười tám) giờ (đối với TTYT huyện	BVBR, BVLL; các TTYT huyện, thị xã, thành phố

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
		đồng	Long Điền kể từ khi kết thúc việc KSK đối với đơn lẻ	
46	Cấp giấy khám sức khỏe cho người chưa đủ 18 tuổi	Trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc việc KSK đối với đơn lẻ, đối với khám tập thể tùy thuộc theo hợp đồng	Trong vòng 20 (hai mươi) giờ (đối với Bệnh viện Bà Rịa), 18 (mười tám) giờ (đối với TTYT huyện Long Điền kể từ khi kết thúc việc KSK đối với đơn lẻ	BVBR, BVLL; các TTYT huyện, thị xã, thành phố
47	Cấp giấy khám sức khỏe cho người người mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự	Trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc việc KSK đối với đơn lẻ, đối với khám tập thể tùy thuộc theo hợp đồng	Trong vòng 20 (hai mươi) giờ (đối với Bệnh viện Bà Rịa), 18 (mười tám) giờ (đối với TTYT huyện Long Điền kể từ khi kết thúc việc KSK đối với đơn lẻ	BVBR, BVLL; các TTYT huyện, thị xã, thành phố
48	Khám sức khỏe định kỳ	Thỏa thuận theo hợp đồng	Trong vòng 20 (hai mươi) giờ (đối với Bệnh viện Bà Rịa), 18 (mười tám) giờ (đối với TTYT huyện Long Điền kể từ khi kết thúc	BVBR, BVLL; các TTYT huyện, thị xã, thành phố

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
			việc KSK đối với đơn lẻ	
49	Cấp giấy khám sức khỏe cho người lái xe	Trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc việc KSK đối với đơn lẻ, đối với khám tập thể tùy thuộc theo hợp đồng	Trong vòng 20 (hai mươi) giờ (đối với Bệnh viện Bà Rịa), 18 (mười tám) giờ (đối với TTYT huyện Long Điền kể từ khi kết thúc việc KSK đối với đơn lẻ	BVBR, BVLL; các TTYT huyện, thị xã, thành phố
50	Khám sức khỏe định kỳ của người lái xe ô tô	Thỏa thuận theo hợp đồng	Trong vòng 20 (hai mươi) giờ (đối với Bệnh viện Bà Rịa), 18 (mười tám) giờ (đối với TTYT huyện Long Điền kể từ khi kết thúc việc KSK đối với đơn lẻ	BVBR, BVLL; các TTYT huyện, thị xã, thành phố
II. Lĩnh vực Y tế dự phòng				
51	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	trong 30 ngày công bố trên Cổng thông tin điện tử	25 ngày	Nghiệp vụ
52	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	17 ngày làm việc	11 ngày làm việc	Trung tâm kiểm soát bệnh tật
53	Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận	07 ngày làm	03 ngày làm	Trung tâm

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
	cộng đồng	việc	việc	kiểm soát bệnh tật
III. Lĩnh vực Dược – Mỹ phẩm				
54	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	15 ngày	14 ngày	Phòng Nghiệp vụ – Sở Y tế thực hiện
55	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu)	20 ngày	19 ngày	Phòng Nghiệp vụ – Sở Y tế thực hiện
56	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	30 ngày	29 ngày	Phòng Nghiệp vụ – Sở Y tế thực hiện
57	Cấp giấy xác nhận nội dung	10 ngày	09 ngày	Phòng

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
	thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc			Nghịệp vụ – Sở Y tế thực hiện
58	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	20 ngày đối với TH không đi đánh giá. 30 ngày đối với TH đi đánh giá	19 ngày đối với TH không đi đánh giá. 29 ngày đối với TH đi đánh giá	Phòng Nghịệp vụ – Sở Y tế thực hiện
59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	20 ngày đối với TH không đi đánh giá. 30 ngày đối với TH đi đánh giá	19 ngày đối với TH không đi đánh giá. 29 ngày đối với TH đi đánh giá	Phòng Nghịệp vụ – Sở Y tế thực hiện
60	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hương thân, thuốc tiên chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30 ngày	28 ngày	Phòng Nghịệp vụ – Sở Y tế thực hiện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
61	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Phòng Nghiệp vụ – Sở Y tế thực hiện
62	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	30 ngày	29 ngày	Phòng Nghiệp vụ – Sở Y tế thực hiện
63	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	10 ngày	9 ngày	Phòng Nghiệp vụ – Sở Y tế thực hiện
64	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	30 ngày	29 ngày	Phòng Nghiệp vụ – Sở Y tế thực hiện
65	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	30 ngày	29 ngày	Phòng Nghiệp vụ – Sở Y tế thực hiện
66	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	30 ngày	29 ngày	Phòng Nghiệp vụ – Sở Y tế thực hiện
67	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	30 ngày	29 ngày	Phòng Nghiệp vụ – Sở Y tế thực hiện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
68	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu	20 ngày làm việc	19 ngày	Phòng Nghiệp vụ – Sở Y tế thực hiện
69	Bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu	20 ngày làm việc	19 ngày	Phòng Nghiệp vụ – Sở Y tế thực hiện
70	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ dược liệu	20 ngày làm việc	19 ngày	Phòng Nghiệp vụ – Sở Y tế thực hiện
71	Bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ dược liệu	20 ngày làm việc	19 ngày	Phòng Nghiệp vụ – Sở Y tế thực hiện
72	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại	30 ngày	29 ngày	Phòng Nghiệp vụ – Sở Y tế thực hiện
73	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	20 ngày đối với trường hợp không đi đánh giá. 30 ngày đối với trường hợp đi đánh giá	19 ngày đối với trường hợp không đi đánh giá. 29 ngày đối với trường hợp đi đánh giá	Phòng Nghiệp vụ – Sở Y tế thực hiện
74	Bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu	20 ngày làm việc	19 ngày	Phòng Nghiệp vụ – Sở Y tế thực hiện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
IV. Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng				
75	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Chi cục ATVSTP thực hiện
76	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	Chi cục ATVSTP thực hiện
V. Lĩnh vực Giám định y khoa				
77	Khám giám định y khoa lần đầu đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng	45 ngày	44 ngày	Trung tâm GDYK thực hiện
78	Khám giám định y khoa đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh	45 ngày	44 ngày	Trung tâm GDYK thực hiện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
	ưu đãi người có công với cách mạng			
79	Khám giám định thương tật lần đầu do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố hoặc Trung tâm giám định y khoa thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện	40 ngày	38 ngày	Trung tâm GDYK thực hiện
80	Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	40 ngày	37 ngày	Trung tâm GDYK thực hiện
81	Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	40 ngày	37 ngày	Trung tâm GDYK thực hiện
82	Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	40 ngày	37 ngày	Trung tâm GDYK thực hiện
83	Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	40 ngày	37 ngày	Trung tâm GDYK thực hiện
84	Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	30 ngày	29 ngày	Trung tâm GDYK thực hiện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
85	Khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác.	30 ngày	29 ngày	Trung tâm GDYK thực hiện

VI. Lĩnh vực Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

86	Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ em được sinh ra tại nhà hoặc nơi khác mà không phải là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc (Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc, Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ, Trung tâm y tế huyện Long Điền thực hiện)	BVBR, BVLL; các TTYT huyện, thị xã, thành phố
87	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép giấy chứng sinh	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc (Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ, Trung tâm y tế huyện Long Điền thực hiện)	BVBR, BVLL; các TTYT huyện, thị xã, thành phố
88	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc (Bệnh viện Bà Rịa, Trung tâm y tế thị xã Phú Mỹ, Trung tâm y tế huyện Long Điền thực hiện)	BVBR, BVLL; các TTYT huyện, thị xã, thành phố

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	
VII. Lĩnh vực Đào tạo, nghiên cứu khoa học và Công nghệ thông tin				
89	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	15 ngày làm việc	14 ngày	Văn phòng Sở

3. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng				
1	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Khoản 4, Điểm b Khoản 5 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP).	Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau: + Đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh: * Không quá 30 ngày làm việc đối với dự án nhóm B; * Không quá 20 ngày làm	Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau: + Đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh: * Không quá 27 ngày làm việc đối với dự án nhóm B; * Không quá 18 ngày làm	

		<p>việc đối với dự án nhóm C.</p> <p>+ Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh:</p> <p>* Không quá 20 ngày làm việc, đối với dự án nhóm B;</p> <p>* Không quá 15 ngày làm việc, đối với dự án nhóm C.</p>	<p>việc đối với dự án nhóm C.</p> <p>+ Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh:</p> <p>* Không quá 18 ngày làm việc, đối với dự án nhóm B;</p> <p>* Không quá 13 ngày làm việc, đối với dự án nhóm C.</p>	
2	<p>Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD).</p>	<p>Không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Không quá 18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	
3	<p>Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP).</p>	<p>Không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Không quá 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	
4	<p>Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các</p>	<p>Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Không quá 21 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	

	tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.			
5	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không quá 21 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
6	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không quá 21 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
7	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không quá 21 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
8	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được	Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không quá 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	

	xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.			
9	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không quá 21 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	
II. Lĩnh vực Lao động, tiền lương, quan hệ lao động				
10	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của Doanh nghiệp	10 ngày làm việc	9 ngày làm việc	
11	Thông báo làm thêm giờ từ 200 giờ đến 300 giờ trong 1 năm	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	
12	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài của Người sử dụng lao động	12 ngày	11 ngày	
III. Lĩnh vực Quản lý thương mại				
13	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/ Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường	30 ngày Đối với các dự án thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP 20 đối với Đối với các dự án	29 ngày Đối với các dự án thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP 19 đối với Đối với các dự án	

		khác không thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP	khác không thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP	
14	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	
15	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	
16	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	
17	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	
18	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	
IV. Lĩnh vực Quản lý đầu tư				
19	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	15 ngày	12 ngày	
20	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	10 ngày	9 ngày	
21	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án,	15 ngày	12 ngày	

	trọng tài.			
22	Giãn tiến độ dự án	15 ngày	12 ngày	
23	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15 ngày	12 ngày	
24	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15 ngày	12 ngày	

4. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. Lĩnh vực Quản lý Công sản				
1	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê	30 ngày	29 ngày	
2	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết	120 ngày (thời gian giải quyết của Sở Tài chính là 30 ngày)	119 ngày	Giảm thời gian giải quyết của Sở Tài chính
3	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	30 ngày	29 ngày	
4	Điều chuyển tài sản là hệ thống điện được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước sang	30 ngày (thời gian giải quyết của Sở Tài chính là 20 ngày)	29 ngày	Giảm thời gian giải quyết của Sở Tài

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
	ngành điện quản lý	ngày)		chính
5	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội	30 ngày	29 ngày	
6	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	30 ngày (thời gian giải quyết của Sở Tài chính là 20 ngày)	29 ngày	Giảm thời gian giải quyết của Sở Tài chính
7	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	30 ngày (thời gian giải quyết của Sở Tài chính là 20 ngày)	29 ngày	Giảm thời gian giải quyết của Sở Tài chính
8	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	30 ngày (thời gian giải quyết của Sở Tài chính là 20 ngày)	29 ngày	Giảm thời gian giải quyết của Sở Tài chính
9	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công – tư	67 ngày (thời gian giải quyết của Sở Tài chính là 20 ngày)	66 ngày	Giảm thời gian giải quyết của Sở Tài chính
10	Quyết định thu hồi tài sản công	30 ngày (thời	29 ngày	Giảm thời

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
	trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	gian giải quyết của Sở Tài chính là 20 ngày)		gian giải quyết của Sở Tài chính
11	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	30 ngày (thời gian giải quyết của Sở Tài chính là 20 ngày)	29 ngày	Giảm thời gian giải quyết của Sở Tài chính
12	Quyết định điều chuyển tài sản công	30 ngày (thời gian giải quyết của Sở Tài chính là 20 ngày)	29 ngày	Giảm thời gian giải quyết của Sở Tài chính
13	Quyết định bán tài sản công	30 ngày (thời gian giải quyết của Sở Tài chính là 20 ngày)	29 ngày	Giảm thời gian giải quyết của Sở Tài chính
14	Quyết định thanh lý tài sản công	30 ngày (thời gian giải quyết của Sở Tài chính là 20 ngày)	29 ngày	Giảm thời gian giải quyết của Sở Tài chính
15	Quyết định tiêu hủy tài sản công	30 ngày (thời gian giải quyết của Sở Tài chính là 20	29 ngày	Giảm thời gian giải quyết của Sở Tài

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
		ngày)		chính
16	Thủ tục điều chuyển công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.	20 ngày (thời gian giải quyết của Sở Tài chính là 15 ngày)	19 ngày	Giảm thời gian giải quyết của Sở Tài chính
17	Thủ tục cho thuê quyền khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung	30 ngày (thời gian giải quyết của Sở Tài chính là 20 ngày)	29 ngày	Giảm thời gian giải quyết của Sở Tài chính
18	Thủ tục chuyển nhượng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.	30 ngày (thời gian giải quyết của Sở Tài chính là 20 ngày)	29 ngày	Giảm thời gian giải quyết của Sở Tài chính
19	Thủ tục thanh lý công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung	20 ngày (thời gian giải quyết của Sở Tài chính là 15 ngày)	19 ngày	Giảm thời gian giải quyết của Sở Tài chính
II. Lĩnh vực Tài chính - ngân sách				
20	Thủ tục thẩm định và thông báo quyết toán vốn đầu tư XD CB thuộc nguồn vốn NSNN theo niên độ ngân sách hàng năm của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	30 ngày làm việc	25 ngày làm việc	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
III. Lĩnh vực Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo				
22	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	10 ngày	08 ngày	
23	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh.	30 ngày	25 ngày	
24	Thủ tục giải quyết Khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	45 ngày	40 ngày	
25	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	30 ngày	25 ngày	

5. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. Lĩnh vực Năng lượng				
1	Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không theo chu kỳ (Đối với điều chỉnh Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV).	Không quá 10 ngày làm việc	Không quá 05 ngày làm việc	Cắt giảm 05 ngày làm việc
II. Lĩnh vực Điện				
2	Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 3MW đặt tại địa phương	Không quá 15 ngày làm việc	Không quá 10 ngày làm việc	Cắt giảm 05 ngày làm việc
3	Cấp Giấy phép hoạt động tư	Không quá 15	Không quá 10	Cắt giảm 05

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
	vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	ngày làm việc	ngày làm việc	ngày làm việc
4	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương	Không quá 15 ngày làm việc	Không quá 10 ngày làm việc	Cắt giảm 05 ngày làm việc
5	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	Không quá 15 ngày làm việc	Không quá 10 ngày làm việc	Cắt giảm 05 ngày làm việc
6	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
7	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
8	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện	Không quá 10 (mười) ngày làm việc	Không quá 07 (bảy) ngày làm việc	Cắt giảm 03 ngày làm việc
9	Cấp lại thẻ an toàn điện	Không quá 10 (mười) ngày làm việc	Không quá 07 (bảy) ngày làm việc	Cắt giảm 03 ngày làm việc
10	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	Không quá 10 (mười) ngày làm việc	Không quá 07 (bảy) ngày làm việc	Cắt giảm 03 ngày làm việc
III. Lĩnh vực Dầu khí				
11	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích	50 (năm mươi) ngày làm việc	35 ngày làm việc	Cắt giảm 15 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
	kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³			
12	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³	50 (năm mươi) ngày làm việc	35 ngày làm việc	Cắt giảm 15 ngày làm việc
13	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³	50 (năm mươi) ngày làm việc	35 ngày làm việc	Cắt giảm 15 ngày làm việc
IV. Lĩnh vực quản lý cạnh tranh				
14	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Chậm nhất 20 ngày làm việc	Chậm nhất mười bốn (14) ngày làm việc	Cắt giảm 06 ngày làm việc
15	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
16	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
17	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cắt giảm 03 ngày làm việc
V. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước				
18	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc	Cắt giảm 04 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
19	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc	Cắt giảm 04 ngày làm việc
20	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc	Cắt giảm 04 ngày làm việc
21	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc	Cắt giảm 04 ngày làm việc
22	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	<p>a) Trường hợp cấp lại giấy phép do hết thời gian hiệu lực: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.07 ngày làm việc.</p> <p>b) Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>a) Trường hợp cấp lại giấy phép do hết thời gian hiệu lực : 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.07 ngày làm việc</p> <p>b) Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng : 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	Cắt giảm 04 ngày làm việc Không cắt giảm
23	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	25 ngày làm việc	18 ngày làm việc	Cắt giảm 07 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
24	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	25 ngày làm việc	18 ngày làm việc	Cắt giảm 07 ngày làm việc
25	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	25 ngày làm việc	18 ngày làm việc	Cắt giảm 07 ngày làm việc
26	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	25 ngày làm việc	18 ngày làm việc	Cắt giảm 07 ngày làm việc
27	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	25 ngày làm việc	18 ngày làm việc	Cắt giảm 07 ngày làm việc
28	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	25 ngày làm việc	18 ngày làm việc	Cắt giảm 07 ngày làm việc
29	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	25 ngày làm việc	18 ngày làm việc	Cắt giảm 07 ngày làm việc
30	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	25 ngày làm việc	18 ngày làm việc	Cắt giảm 07 ngày làm việc
31	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	25 ngày làm việc	18 ngày làm việc	Cắt giảm 07 ngày làm việc
VI. Lĩnh vực Kinh doanh khí				
32	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cắt giảm 05 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
	mua bán LPG	việc		việc
33	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
34	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
35	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cắt giảm 05 ngày làm việc
36	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
37	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
38	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cắt giảm 05 ngày làm việc
39	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
40	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
41	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cắt giảm 05 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
42	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
43	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
44	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cắt giảm 05 ngày làm việc
45	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
46	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cắt giảm 05 ngày làm việc
48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
49	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
50	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cắt giảm 05 ngày làm việc
51	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
53	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cắt giảm 05 ngày làm việc
54	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
55	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
VII. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng				
56	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cắt giảm 03 ngày làm việc
57	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc	Cắt giảm 04 ngày làm việc
58	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc	Cắt giảm 04 ngày làm việc
59	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	Cắt giảm 03 ngày làm việc
60	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc	Cắt giảm 04 ngày làm việc
61	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc	Cắt giảm 04 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
	mua bán nguyên liệu thuốc lá	việc	việc	việc
62	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc	Cắt giảm 04 ngày làm việc
63	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	a) Trường hợp cấp lại giấy phép do hết thời hạn hiệu lực: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. b) Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng : 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	a) Trường hợp cấp lại giấy phép do hết thời hạn hiệu lực: 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. b) Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng : 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Cắt giảm 04 ngày làm việc Không cắt giảm
XIII. Lĩnh vực Xúc tiến thương mại				
64	Xác nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	cắt giảm 02 ngày làm việc
IX. Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ				
65	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	18 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Cắt giảm 04 ngày làm việc

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
66	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Cắt giảm 02 ngày làm việc
X. Lĩnh vực Hóa chất				
67	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc	09 ngày làm việc	Cắt giảm 03 ngày làm việc
68	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc	09 ngày làm việc	Cắt giảm 03 ngày làm việc
69	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc	09 ngày làm việc	Cắt giảm 03 ngày làm việc
70	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc	09 ngày làm việc	Cắt giảm 03 ngày làm việc
XI. Lĩnh vực An toàn thực phẩm				
71	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Cắt giảm 05 ngày làm việc
XII. Lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
72	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	30 ngày làm việc	22 ngày làm việc	Cắt giảm 08 ngày làm việc

6. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban dân tộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. Lĩnh vực Dân tộc				
1	Quy định chế độ trợ cấp đối với đối tượng sinh viên dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc	
II. Lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo				
2	Thủ tục xử lý khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc	Cắt giảm 5 ngày làm việc
3	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	40 ngày làm việc	34 ngày làm việc	Cắt giảm 6 ngày làm việc
4	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	30 ngày	23 ngày	Cắt giảm 7 ngày

7. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. Lĩnh vực Ngoại giao				
1	Cho phép tổ chức hội nghị hội thảo quốc tế	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
II. Lĩnh vực Công tác lãnh sự				
2	Thủ tục xuất cảnh	08 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
III. Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo				
3	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	30 ngày làm việc	28 ngày làm việc	
4	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	30 – 45 ngày làm việc	20 – 35 ngày làm việc	
5	Thủ tục xử lý đơn	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	

8. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. Lĩnh vực Khiếu nại, tố cáo				
1	Thủ tục giải quyết khiếu nại	Thời hạn giải quyết: 30 ngày	Thời hạn giải quyết: 28 ngày	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
	lần đầu	kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc chỉ có 01 nội dung khiếu nại và cần xác minh tại 01 đơn vị (vụ việc đơn giản); Hoặc 45 ngày đối với vụ việc có 01 nội dung hoặc 02 nội dung khiếu nại và cần xác minh tại 02 đơn vị khác nhau (nếu vụ việc phức tạp).	kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc chỉ có 01 nội dung khiếu nại và cần xác minh tại 01 đơn vị (vụ việc đơn giản); Hoặc 43 ngày đối với vụ việc có 01 nội dung hoặc 02 nội dung khiếu nại và cần xác minh tại 02 đơn vị khác nhau (nếu vụ việc phức tạp).	
2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai	Thời hạn giải quyết: 45 ngày kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc chỉ có 01 nội dung khiếu nại và cần xác minh tại 01 đơn vị (vụ việc đơn giản); Hoặc 60 ngày đối với vụ việc có 01 nội dung hoặc 02 nội dung khiếu nại và cần xác minh tại 02 đơn vị khác nhau (nếu vụ	Thời hạn giải quyết: 43 ngày kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc chỉ có 01 nội dung khiếu nại và cần xác minh tại 01 đơn vị (vụ việc đơn giản); Hoặc 58 ngày đối với vụ việc có 01 nội dung hoặc 02 nội dung khiếu nại và cần xác minh tại 02 đơn vị khác nhau (nếu vụ	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
		việc phức tạp).	việc phức tạp).	
3	Thủ tục giải quyết tố cáo	<p>Thời hạn giải quyết:</p> <p>1. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày.</p> <p>2. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.</p> <p>(Theo Điều 30 của Luật Tố cáo năm 2018)</p>	<p>Thời hạn giải quyết:</p> <p>1. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 28 ngày.</p> <p>2. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 28 ngày.</p> <p>(Theo Điều 30 của Luật Tố cáo năm 2018)</p>	

9. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. Lĩnh vực Xuất bản, in và Phát hành				
1	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản	15 ngày làm	10 ngày làm	

	tài liệu không kinh doanh	việc	việc	
2	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
3	Thủ tục cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
4	Thủ tục cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
5	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
6	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
II. Lĩnh vực Bưu chính				
7	Thủ tục cấp giấy phép bưu chính	30 ngày làm việc	25 ngày làm việc	
8	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
9	Thủ tục cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
10	Thủ tục cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
11	Thủ tục cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	10 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
12	Thủ tục cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
III. Lĩnh vực Báo chí				

13	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản bản tin	30 ngày làm việc	25 ngày làm việc	
14	Thủ tục thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
IV. Lĩnh vực Phát thanh Truyền hình và Thông tin Điện tử				
15	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	15 ngày làm việc	13 ngày làm việc	
16	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc	
17	Thủ tục gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
18	Thủ tục cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	

10. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. Lĩnh vực địa chất khoáng sản				
1	Chấp thuận tiến hành khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản.	10 ngày	9 ngày	
2	Phê duyệt trữ lượng khoáng	180 ngày	179 ngày	

	sản.			
3	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	35 ngày	34 ngày	
4	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	20 ngày	19 ngày	
5	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	23 ngày	22 ngày	
6	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản.	45 ngày	44 ngày	
II. Lĩnh vực tài nguyên nước				
7	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.	16 ngày	15 ngày	
8	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.	16 ngày	15 ngày	
9	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.	11 ngày	10 ngày	
10	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước.	20 ngày	19 ngày	
11	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh.	67 ngày	66 ngày	
12	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi.	40 ngày	39 ngày	

13	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm.	65 ngày	64 ngày	
14	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm.	65 ngày	64 ngày	
15	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm.	65 ngày	64 ngày	
16	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác.	65 ngày	64 ngày	
17	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh.	66 ngày	65 ngày	

III. Lĩnh vực biển và hải đảo

18	Gia hạn quyết định giao khu vực biển.	52 ngày	48 ngày	
19	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển.	42 ngày	38 ngày	
20	Trả lại khu vực biển.	52 ngày	48 ngày	
21	Sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển.	48 ngày	47 ngày	
22	Trả lại giấy phép nhận chìm ở biển.	63 ngày	62 ngày	

IV. Lĩnh vực môi trường

23	Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản	40 ngày làm việc (trong đó thời hạn cấp giấy xác nhận là 20 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra)	38 ngày làm việc (trong đó thời hạn cấp giấy xác nhận là 18 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra)	
24	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung bởi khoản 1 điều 2 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP)	55 ngày làm việc	54 ngày làm việc	
25	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	35 ngày	34 ngày	
26	Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	60 ngày	59 ngày	

V. Lĩnh vực đất đai

27	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	30 ngày	29 ngày	
28	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp.	20 ngày	19 ngày	
29	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004.	20 ngày	19 ngày	
30	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	30 ngày	25 ngày	
31	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.	15 ngày	10 ngày	
32	Đăng ký xác lập quyền sử dụng đất hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng đất hạn chế thừa đất liền kề	10 ngày	08 ngày	

33	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	07 ngày	06 ngày	
34	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	30 ngày	28 ngày	
35	Đăng ký đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	10 ngày	08 ngày	
36	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	10 ngày	08 ngày	
37	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	10 ngày	9 ngày	
38	Đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu	30 ngày	29 ngày	
39	Thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	40 ngày	38 ngày	

VI. Lĩnh vực Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

40	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	<p>Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc chỉ có 01 nội dung khiếu nại và cần xác minh tại 01 đơn vị (vụ việc đơn giản); Hoặc 45 ngày đối với vụ việc có 01 nội dung hoặc 02 nội dung khiếu nại và cần xác minh tại 02 đơn vị khác nhau (nếu vụ việc phức tạp).</p>	<p>Thời hạn giải quyết: 29 ngày kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc chỉ có 01 nội dung khiếu nại và cần xác minh tại 01 đơn vị (vụ việc đơn giản); Hoặc 44 ngày đối với vụ việc có 01 nội dung hoặc 02 nội dung khiếu nại và cần xác minh tại 02 đơn vị khác nhau (nếu vụ việc phức tạp).</p>	
41	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai	<p>Thời hạn giải quyết: 45 ngày kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc chỉ có 01 nội dung khiếu nại và cần xác minh tại 01 đơn vị (vụ việc đơn giản); Hoặc 60 ngày đối với vụ việc có 01 nội dung hoặc 02 nội dung khiếu nại và cần xác minh tại 02 đơn vị khác nhau (nếu vụ việc phức tạp).</p>	<p>Thời hạn giải quyết: 44 ngày kể từ ngày thụ lý đối với vụ việc chỉ có 01 nội dung khiếu nại và cần xác minh tại 01 đơn vị (vụ việc đơn giản); Hoặc 59 ngày đối với vụ việc có 01 nội dung hoặc 02 nội dung khiếu nại và cần xác minh tại 02 đơn vị khác nhau (nếu vụ việc phức tạp).</p>	
42	Thủ tục giải quyết tố cáo	Thời hạn giải	Thời hạn giải	

		quyết: 1. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. 2. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày. (Theo Điều 30 của Luật Tố cáo năm 2018)	quyết: 1. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 29 ngày. 2. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 29 ngày. (Theo Điều 30 của Luật Tố cáo năm 2018)	
--	--	--	--	--

11. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo				
1	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	20 Ngày làm việc	18 Ngày làm việc	
2	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại	20 Ngày làm việc	18 Ngày làm việc	
3	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông	25 Ngày làm việc	23 Ngày làm việc	
4	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	20 Ngày làm việc	18 Ngày làm việc	

)			
5	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập, cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục	25 Ngày làm việc	23 Ngày làm việc	
6	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	20 Ngày làm việc	18 Ngày làm việc	
7	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	20 Ngày làm việc	18 Ngày làm việc	
8	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên	25 Ngày làm việc	23 Ngày làm việc	
9	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	20 Ngày làm việc	18 Ngày làm việc	
10	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	20 Ngày làm việc	19 Ngày làm việc	
11	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	20 Ngày làm việc	18 Ngày làm việc	
12	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú	25 Ngày làm việc	23 Ngày làm việc	
13	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú	20 Ngày làm việc	18 Ngày làm việc	
14	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục	15 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc	
15	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại	15 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc	
16	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	15 Ngày làm việc	13 Ngày làm việc	

17	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục	20 Ngày làm việc	18 Ngày làm việc	
18	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục trở lại	20 Ngày làm việc	19 Ngày làm việc	
19	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	10 Ngày làm việc	8 Ngày làm việc	
20	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	10 Ngày làm việc	8 Ngày làm việc	
21	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp	10 Ngày làm việc	08 Ngày làm việc	
22	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	15 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc	
23	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	15 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc	
24	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	15 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc	
25	Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	05 Ngày làm việc	04 Ngày làm việc	
26	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	30 Ngày làm việc	28 Ngày làm việc	

27	Phê duyệt liên kết giáo dục	60 Ngày làm việc	58 Ngày làm việc	
28	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	20 Ngày làm việc	19 Ngày làm việc	
29	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	20 Ngày làm việc	19 Ngày làm việc	
II. Lĩnh vực quy chế tuyển sinh				
30	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	15 Ngày làm việc	14 Ngày làm việc	

12. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở				
1	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày	9 ngày	

2	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày	9 ngày	
3	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày	9 ngày	
4	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	15 ngày	14 ngày	
5	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	15 ngày	14 ngày	
II. Lĩnh vực Điện ảnh				
6	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)	15 ngày	14 ngày	
7	Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	15 ngày	14 ngày	

III. Lĩnh vực Gia đình				
8	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
9	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
10	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
11	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
III. Lĩnh vực Thể dục thể thao				
12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
13	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
14	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
15	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
16	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động	07 ngày làm	06 ngày làm	

	động thể thao đối với môn Quyền anh	việc	việc	
17	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
18	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
19	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
20	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
21	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
22	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
IV. Lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm				
23	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	
24	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	

	không vì mục đích thương mại			
25	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	
26	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	
27	Thủ tục Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	
28	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc	
V. Lĩnh vực Di sản văn hóa				
29	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	
30	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	
31	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc	

13. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải	Thời gian giải	
-----	------------------------	----------------	----------------	--

		quyết theo quy định (ngày)	quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
I. Lĩnh vực Thủy lợi				
1	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	30 ngày làm việc	29 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
2	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	30 ngày làm việc	29 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
3	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc	09 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
4	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	30 ngày làm việc	29 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
5	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
6	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn	10 ngày làm việc	09 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm

	và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh			việc
7	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	30 ngày làm việc	29 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
8	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
II. Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản				
9	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	Giảm 02 ngày làm việc
10	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	13 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Giảm 03 ngày làm việc
III. Lĩnh vực bảo vệ thực vật				
11	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Giảm 05 ngày làm

	quyết của cấp tỉnh)			việc
12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	21 ngày làm việc	20 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
13	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	21 ngày làm việc	20 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
14	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	13 ngày làm việc	12 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
15	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón)	13 ngày làm việc	12 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
IV. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
16	Tiếp nhận công bố hợp quy thuốc bảo vệ thực vật	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
17	Tiếp nhận công bố hợp quy sản phẩm trồng trọt (rau, quả, chè, cà phê, điều, tiêu)	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
18	Tiếp nhận công bố hợp quy chất lượng phân bón của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
V. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn				
19	Công nhận nghề truyền thống	30 ngày làm việc	26 ngày làm việc	Giảm 04 ngày làm việc

20	Công nhận làng nghề	30 ngày làm việc	26 ngày làm việc	Giảm 04 ngày làm việc
21	Công nghệ làng nghề truyền thống	30 ngày làm việc	26 ngày làm việc	Giảm 04 ngày làm việc
VI. Lĩnh vực Lâm nghiệp				
22	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	19 ngày làm việc	18 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
23	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	45 ngày	44 ngày	Giảm 01 ngày
24	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	23 ngày làm việc	22 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
25	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	18 ngày làm việc	16 ngày làm việc	Giảm 02 ngày làm việc
26	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Giảm 02 ngày làm việc
27	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	30 ngày	15 ngày	Giảm 15 ngày
VII. Lĩnh vực chăn nuôi và Thú y				

28	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	05 ngày làm việc	01 ngày làm việc	Giảm 04 ngày làm việc
29	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc	Giảm 03 ngày làm việc
30	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc	Giảm 03 ngày làm việc
31	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc	Giảm 03 ngày làm việc
32	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc	Giảm 03 ngày làm việc
33	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn	13 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Giảm 03 ngày làm việc

	hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận			
34	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	04 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Giảm 02 ngày làm việc
35	Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề thú y)	03 ngày làm việc	01 ngày làm việc	Giảm 02 ngày làm việc
VIII. Lĩnh vực Thủy sản				
36	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi)	10 ngày	09 ngày	Giảm 01 ngày
37	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
38	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
39	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
40	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý) (trường hợp cấp lại)	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc

41	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
42	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên (trường hợp xác nhận mẫu vật)	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc

14. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng				
1	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	30 ngày làm việc	25 ngày làm việc	
2	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo	30 ngày làm	25 ngày làm	

	đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	việc	việc	
3	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	30 ngày làm việc	25 ngày làm việc	
4	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	
5	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	

6	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	30 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
7	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
8	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
9	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra	Không quá 09 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra	

II. Lĩnh vực Giám định tư pháp xây dựng

10	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng	20 ngày làm việc	14 ngày làm việc (Sở Xây dựng 09 ngày làm việc, UBND tỉnh 05 ngày làm việc)	
11	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc (Sở Xây dựng 10 ngày	

	giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động		làm việc, UBND tỉnh 05 ngày làm việc)	
12	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	10 ngày làm việc	06 ngày làm việc (Sở Xây dựng 03 ngày làm việc, UBND tỉnh 03 ngày làm việc)	
III. Lĩnh vực Phát triển đô thị				
13	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc, đối với dự án không phải xin ý kiến của Bộ Xây dựng (Sở Xây dựng 15 ngày làm việc, UBND tỉnh 05 ngày làm việc)	
14	Lấy ý kiến của các Sở: Xây dựng, Văn hóa Thể thao, Du lịch đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
IV. Lĩnh vực Nhà ở				
15	Thủ tục gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	30 ngày làm việc, trong đó: + Sở Xây dựng	25 ngày làm việc, trong đó: + Sở Xây dựng	

		không quá 15 ngày làm việc + UBND tỉnh không quá 10 ngày làm việc + Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận nhà ở không quá 05 ngày làm việc	không quá 10 ngày làm việc + UBND tỉnh không quá 10 ngày làm việc + Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận nhà ở không quá 05 ngày làm việc	
16	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	
17	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	Không quá 20 ngày làm việc	15 ngày làm việc, trong đó: + Sở Xây dựng không quá 10 ngày làm việc + UBND tỉnh không quá 05 ngày làm việc	
18	Thủ tục công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
V. Lĩnh vực Vật liệu xây dựng				
19	Tiếp nhận công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
VI. Lĩnh vực Khiếu nại, tố cáo				
20	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc	

15. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm (ngày)	Ghi chú
I. Lĩnh vực Đầu tư				
1	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	05	04	
2	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	03	02	
3	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	03	02	
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	15	13	
5	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15	13	
6	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15	13	
7	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	05	03	
8	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp	30	27	

	dụng ưu đãi đầu tư			
II. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp				
9	Đăng ký thành lập doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân)	3	2	
10	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3	2	
11	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3	2	
12	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	3	2	
13	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh)	3	2	
14	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	3	2	
15	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	3	2	
16	Thông báo thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với thành viên/cổ đông là tổ chức trong công ty TNHH, công ty cổ phần)	3	2	
17	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân)	3	2	

	nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)			
18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3	2	
19	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	3	2	
20	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	3	2	
21	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	3	2	
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	3	2	
23	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	3	2	
24	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	3	2	
25	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	3	2	
26	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	3	2	
27	Đăng ký thay đổi thành viên	3	2	

	hợp danh			
28	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3	2	
29	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	3	2	
III. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Liên hiệp hợp tác xã				
30	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	3	2	
31	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của Liên hiệp hợp tác xã	3	2	
32	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã	3	2	
33	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (Đối với trường hợp Hợp tác xã giải thể tự nguyện)	3	2	
34	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh liên hiệp hợp tác xã	3	2	
35	Thông báo thay đổi nội dung	3	2	

	đăng ký liên hiệp hợp tác xã			
36	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	3	2	
37	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp Hợp tác xã	3	2	
38	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp Hợp tác xã (khi đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã)	3	2	
IV. Lĩnh vực Đấu thầu				
39	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	17	16	
V. Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại, tố cáo				
40	Xử lý đơn tại cấp tỉnh	8	7	
41	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	24	20	
42	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	36	30	
43	Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	30	26	

16. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
-----	-------------	------------------------------------	---------------------------------------	---------

I. Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo				
1	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	<p>60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó:</p> <p>+ Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã: 35 ngày.</p> <p>+ Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 16 ngày.</p> <p>+ Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 09 ngày.</p>	<p>59 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó:</p> <p>+ Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã: 35 ngày.</p> <p>+ Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 15 ngày.</p> <p>+ Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 09 ngày.</p>	Giảm 01 ngày
2	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	<p>30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ, trong đó:</p> <p>+ Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND</p>	<p>29 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ, trong đó:</p> <p>+ Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND các</p>	Giảm 01 ngày

		<p>các huyện, thành phố, thị xã: 15 ngày.</p> <p>+ Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 08 ngày.</p> <p>+ Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 07 ngày.</p>	<p>huyện, thành phố, thị xã: 15 ngày.</p> <p>+ Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 07 ngày.</p> <p>+ Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 07 ngày.</p>	
3	<p>Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh</p>	<p>60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó:</p> <p>+ Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã: 35 ngày.</p> <p>+ Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 16 ngày.</p>	<p>59 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó:</p> <p>+ Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã: 35 ngày.</p> <p>+ Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 15 ngày.</p> <p>+ Thời gian Văn</p>	<p>Giảm 01 ngày</p>

		+ Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 09 ngày.	phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 09 ngày.	
4	Thủ tục đăng ký thuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích	30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ, trong đó: + Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã: 15 ngày. + Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 08 ngày. + Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 07 ngày.	29 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ, trong đó: + Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã: 15 ngày. + Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 07 ngày. + Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 07 ngày.	Giảm 01 ngày
5	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong	29 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong	Giảm 01 ngày

	<p>đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh</p>	<p>đó: + Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã: 15 ngày. + Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 08 ngày. + Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 07 ngày.</p>	<p>đó: + Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã: 15 ngày. + Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 07 ngày. + Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 07 ngày.</p>	
6	<p>Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh</p>	<p>30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó: + Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã: 15 ngày. + Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình</p>	<p>29 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó: + Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã: 15 ngày. + Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình</p>	<p>Giảm 01 ngày</p>

		<p>UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 08 ngày.</p> <p>+ Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 07 ngày.</p>	<p>UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 07 ngày.</p> <p>+ Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 07 ngày.</p>	
7	<p>Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc</p>	<p>30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó:</p> <p>+ Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã: 15 ngày.</p> <p>+ Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 08 ngày.</p> <p>+ Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết:</p>	<p>29 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó:</p> <p>+ Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã: 15 ngày.</p> <p>+ Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 07 ngày.</p> <p>+ Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 07 ngày.</p>	<p>Giảm 01 ngày</p>

		07 ngày.		
8	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	<p>60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó:</p> <p>+ Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã: 35 ngày.</p> <p>+ Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 16 ngày.</p> <p>+ Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 09 ngày.</p>	<p>59 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó:</p> <p>+ Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã: 35 ngày.</p> <p>+ Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 15 ngày.</p> <p>+ Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 09 ngày.</p>	Giảm 01 ngày
9	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của Hiến chương	<p>45 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có</p>	<p>44 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu</p>	Giảm 01 ngày

		<p>khiếu nại, trong đó: + Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã: 25 ngày. + Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 11 ngày. + Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 09 ngày.</p>	<p>nại, trong đó: + Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã: 25 ngày. + Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 10 ngày. + Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 09 ngày.</p>	
10	<p>Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của Hiến chương của tổ chức</p>	<p>45 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu nại, trong đó: + Thời gian xem xét, cho ý kiến của các</p>	<p>44 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu nại, trong đó: + Thời gian xem xét, cho ý kiến của các Sở, Ban, ngành,</p>	<p>Giảm 01 ngày</p>

		Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã: 25 ngày. + Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 11 ngày. + Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 09 ngày.	UBND các huyện, thành phố, thị xã: 25 ngày. + Thời gian xử lý, tổng hợp hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét giải quyết của Sở Nội vụ (Ban Tôn giáo): 10 ngày. + Thời gian Văn phòng UBND tỉnh xem xét và trình UBND tỉnh giải quyết: 09 ngày.	
II. Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng				
11	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Thời hạn xác minh là 15 ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì thời hạn tối đa không quá 30 ngày làm việc.	Thời hạn xác minh là 13 ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì thời hạn tối đa không quá 27 ngày làm việc.	Giảm 02 ngày
12	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có	Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 13 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung	Giảm 02 ngày

		nội dung phức tạp thì có thể gia hạn thời gian giải trình. Thời gian gia hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày, kể từ ngày gia hạn và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.	phức tạp thì có thể gia hạn thời gian giải trình. Thời gian gia hạn thực hiện việc giải trình không quá 13 ngày, kể từ ngày gia hạn và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.	
III. Lĩnh vực Quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ				
13	Thủ tục cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề lưu trữ	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Giảm 01 ngày
IV. Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng				
14	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề	35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó: + Ban Thi đua - Khen thưởng: 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. + UBND tỉnh: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng.	34 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó: + Ban Thi đua - Khen thưởng: 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. + UBND tỉnh: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng. + Ban Thi đua -	Giảm 01 ngày

		<p>+ Ban Thi đua - Khen thưởng: Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của UBND tỉnh, trong thời hạn 10 ngày làm việc, thông báo và trả kết quả cho đơn vị đề nghị khen thưởng.</p>	<p>Khen thưởng: Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của UBND tỉnh, trong thời hạn 10 ngày làm việc, thông báo và trả kết quả cho đơn vị đề nghị khen thưởng.</p>	
15	<p>Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề</p>	<p>35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó: + Ban Thi đua - Khen thưởng: 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. + UBND tỉnh: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng. + Ban Thi đua - Khen thưởng: Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của UBND tỉnh, trong thời hạn 10 ngày</p>	<p>34 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó: + Ban Thi đua - Khen thưởng: 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. + UBND tỉnh: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng. + Ban Thi đua - Khen thưởng: Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của UBND tỉnh, trong thời hạn 10 ngày</p>	<p>Giảm 01 ngày</p>

		làm việc, thông báo và trả kết quả cho đơn vị đề nghị khen thưởng.	và trả kết quả cho đơn vị đề nghị khen thưởng.	
16	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh cho gia đình	35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó: + Ban Thi đua - Khen thưởng: 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. + UBND tỉnh: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng. + Ban Thi đua - Khen thưởng: Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của UBND tỉnh, trong thời hạn 10 ngày làm việc, thông báo và trả kết quả cho đơn vị đề nghị khen thưởng.	34 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó: + Ban Thi đua - Khen thưởng: 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. + UBND tỉnh: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng. + Ban Thi đua - Khen thưởng: Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của UBND tỉnh, trong thời hạn 10 ngày làm việc, thông báo và trả kết quả cho đơn vị đề nghị khen thưởng.	Giảm 01 ngày
17	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đối ngoại	35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị	34 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị	Giảm 01 ngày

		<p>hợp lệ, trong đó:</p> <p>+ Ban Thi đua - Khen thưởng: 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>+ UBND tỉnh: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng.</p> <p>+ Ban Thi đua - Khen thưởng: Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của UBND tỉnh, trong thời hạn 10 ngày làm việc, thông báo và trả kết quả cho đơn vị đề nghị khen thưởng.</p>	<p>hợp lệ, trong đó:</p> <p>+ Ban Thi đua - Khen thưởng: 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>+ UBND tỉnh: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng.</p> <p>+ Ban Thi đua - Khen thưởng: Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của UBND tỉnh, trong thời hạn 10 ngày làm việc, thông báo và trả kết quả cho đơn vị đề nghị khen thưởng.</p>	
V. Lĩnh vực Chính quyền địa phương				
18	Thủ tục Phân loại đơn vị hành chính cấp xã	<p>30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó:</p> <p>+ Sở Nội vụ tổ chức thẩm định trong thời hạn 15 ngày kể từ</p>	<p>29 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ, trong đó:</p> <p>+ Sở Nội vụ tổ chức thẩm định trong thời hạn 14 ngày kể từ</p>	Giảm 01 ngày

		ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã + Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nội vụ.	ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã + Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nội vụ.	
19	Thủ tục thành lập thôn mới, tổ dân phố mới	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
VI. Lĩnh vực hội, tổ chức phi chính phủ				
20	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
21	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
22	Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
23	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc
24	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	30 ngày làm việc	28 ngày làm việc	Giảm 02 ngày làm việc

25	Thủ tục thành lập hội	30 ngày làm việc	28 ngày làm việc	Giảm 02 ngày làm việc
26	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	30 ngày làm việc	28 ngày làm việc	Giảm 02 ngày làm việc
27	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	30 ngày làm việc	28 ngày làm việc	Giảm 02 ngày làm việc
28	Thủ tục đổi tên hội	30 ngày làm việc	28 ngày làm việc	Giảm 02 ngày làm việc
29	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	40 ngày làm việc	39 ngày làm việc	Giảm 01 ngày làm việc

17. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản				
1	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	07	06	
2	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	07	06	
3	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh	07	06	

	ngành quản lý, thanh lý tài sản			
II. Lĩnh vực Giám định tư pháp				
4	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	10	09	
5	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	07	06	
6	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Văn phòng giám định tư pháp tự chấm dứt hoạt động.	07	06	
7	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Văn phòng giám định tư pháp chấm dứt hoạt động do bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động.	07	06	
III. Lĩnh vực Trọng tài thương mại				
8	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	15	14	
9	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	10	09	
10	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm	15	14	

	trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam			
11	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	10	09	
IV. Lĩnh vực Tư vấn pháp luật				
12	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	07	06	
13	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	07	06	
V. Lĩnh vực Công chứng				
14	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	07	06	
15	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	07	06	
16	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp người tập sự đề nghị thay đổi	07	06	

17	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc bị chuyển đổi, giải thể	07	06	
VI. Lĩnh vực Luật sư				
18	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10	09	
19	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10	09	
20	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	07	06	
21	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	07	06	
22	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10	09	
23	Hợp nhất công ty luật	10	09	
24	Sáp nhập công ty luật	10	09	
25	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	07	06	
26	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10	09	
VII. Lĩnh vực Đấu giá tài sản				
27	Thủ tục đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	10	09	

28	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đầu giá tài sản	07	06	
29	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đầu giá	10	09	
VIII. Lĩnh vực Thừa phát lại				
30	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	10	09	
31	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	07	07	
32	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	07	06	
IX. Lĩnh vực Quốc tịch				
33	Cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	05	03	
34	Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	05	03	
X. Lĩnh vực Nuôi con nuôi				
35	Thủ tục giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	35	30	
36	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	05	03	
XI. Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý				
37	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	03	02	

38	Thủ tục cấp thẻ Cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07	06	
39	Thủ tục cấp lại thẻ Cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07	06	
40	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	07	06	
XII. Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng, giải quyết khiếu nại tố cáo.				
41	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	45	43	
42	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	30	28	
43	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	05	04	

18. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. Lĩnh vực Huấn luyện, an toàn vệ sinh lao động				
1	Thủ tục Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B	25	24	

	(trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).			
2	Thủ tục Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	25	24	
II. Lĩnh vực khiếu nại, tố cáo				
3	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	30	29	
III. Lĩnh vực Lao động – Tiền lương				
4	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày	09	08	
5	Gửi Thỏa ước lao động tập thể	13	12	
6	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình	30	29	

	độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động			
IV. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội				
7	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	22	21	
8	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14	13	
9	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14	13	
10	Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14	13	
11	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	05	04	
12	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	40	39	
13	Thay đổi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	40	39	
14	Gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	30	29	
V. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
15	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	10	09	
VI. Lĩnh vực Người có công				
16	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến	10	08	
17	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng	10	08	

	dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế			
18	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	10	09	
19	Di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng	25	23	
20	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	10	09	
21	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	20	17	
22	Thủ tục Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	25	23	

VII. Lĩnh vực Quản lý - Giáo dục - Nghề nghiệp

23	Thủ tục đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	05	04	
24	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp	10	09	
25	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	20	19	
26	Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng	15	14	

	trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			
27	Thủ tục cách chức chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15	14	
28	Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện	15	14	
29	Thủ tục cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện	15	14	
30	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp	15	14	
31	Thủ tục cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không vì lợi nhuận	55	53	
32	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	10	09	
33	Thủ tục sáp nhập, chia, tách trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	30	29	

34	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp	10	09	
35	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15	14	
36	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	20	19	
37	Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp	10	09	
38	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục	19	18	
VIII. Lĩnh vực Tổ chức cán bộ				
39	Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	45	44	

19. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo	Thời gian giải quyết sau khi	Ghi chú
-----	------------------------	---------------------------	------------------------------	---------

		quy định	cắt giảm	
I. Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng				
1	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	05 ngày	04 ngày	
2	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	05 ngày	04 ngày	
3	Thủ tục đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu	10 ngày	09 ngày	
4	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	05 ngày	04 ngày	
5	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	05 ngày	04 ngày	
6	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	05 ngày	04 ngày	
II. Lĩnh vực An toàn bức xạ và Hạt nhân				
7	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	30 ngày	25 ngày	
8	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X quang chẩn	30 ngày	25 ngày	

	đoán trong y tế)			
9	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (đối với thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày	09 ngày	
10	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (đối với thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày	09 ngày	
11	Thủ tục cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày	09 ngày	
III. Lĩnh vực Hoạt động khoa học công nghệ				
12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyên giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	05 ngày	04 ngày	
13	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyên giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	05 ngày	04 ngày	
14	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	05 ngày	04 ngày	

15	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.	15 ngày	11 ngày	
16	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	05 ngày	04 ngày	
17	Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp.	20 ngày	19 ngày	
18	Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp	10 ngày	09 ngày	
19	Thủ tục cấp giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	30 ngày	29 ngày	
20	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	15 ngày	14 ngày	
21	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày	09 ngày	
22	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày	09 ngày	
23	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	05 ngày	04 ngày	
24	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	10 ngày	09 ngày	

20. Danh mục tên thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. Lĩnh vực Lễ hành				
1	Thủ tục công nhận điểm du lịch	30	26	Giảm 04 ngày
2	Thủ tục công nhận khu du lịch	60	54	Giảm 06 ngày
3	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lễ hành nội địa	10	8	Giảm 02 ngày
4	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10	8	Giảm 02 ngày
5	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	10	8	Giảm 02 ngày
6	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	15	13	Giảm 02 ngày
7	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	15	13	Giảm 02 ngày
II. Lĩnh vực Du lịch khác				
8	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20	14	Giảm 06 ngày
9	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách	20	14	Giảm

	du lịch			06 ngày
10	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20	14	Giảm 06 ngày
11	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20	14	Giảm 06 ngày
12	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ du lịch	20	14	Giảm 06 ngày
13	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	30	24	Giảm 06 ngày
III. Lĩnh vực khiếu nại, tố cáo				
14	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	28 ngày (đối với vụ việc phức tạp 42 ngày)	26 ngày (đối với vụ việc phức tạp 40 ngày)	Giảm 02 ngày (đối với vụ việc phức tạp giảm 02 ngày)
15	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	40 ngày (đối với vụ việc phức tạp 55 ngày)	36 ngày (đối với vụ việc phức tạp 53 ngày)	Giảm 04 ngày (đối với vụ việc phức tạp giảm 02 ngày)
16	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	29 ngày	25 ngày	Giảm 04 ngày

17	Thủ tục giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo tại cấp tỉnh	08 ngày	06 ngày	Giảm 02 ngày
----	---	---------	---------	-----------------

Tổng cộng: 618 Thủ tục hành chính.